

Bản án số: **14/2022/HSST**
Ngày 03-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Văn Công Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Khái - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Trương Toàn Q, sinh năm 1999 tại Đồng Tháp; Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn M và bà Lâm Thị Kim H; Vợ và con chưa có; Tiền sự: không, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 21/12/2015 bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau ra quyết định truy nã về tội “Trộm cắp tài sản” theo quyết định số: 07/QĐ-CSĐT(TTHH). Năm 2020 bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 34/2020/HSST ngày 14/5/2020; năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình xử phạt 26 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 64/2020/HSST ngày 16/10/2020; Trong vụ án này bị cáo bị bắt khẩn cấp từ ngày 30/8/2015 đến ngày 01/9/2015 được trả tự do, ngày 03/3/2016 bị bắt truy nã sau đó tạm giữ đến ngày 06/3/2016 được trả tự do. Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù với thời hạn 05 năm 02 tháng kể từ ngày 14/11/2019 tại trại giam An Điền, sau đó được trích xuất đến nhà tạm giữ Công an huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cho đến nay. (Có mặt).

- Bị hại: Ông **Hồ Hoàng N**, sinh năm 1985. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1967. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 11, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 27/8/2015, Trương Toàn Q cùng Trần Hải Q1, C (P), Lê Hà Duy K (Cu L), Nguyễn Văn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Chí C, T, Đ cùng nhậu chung tại Cầu Cảng gần Ủy ban nhân dân thị trấn S thuộc khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Sau khi nhậu được 01 lúc thì Q rủ tất cả cùng đi trộm xe kiềng tiền chi xài thì tất cả đồng ý. Sau đó tất cả cùng đi thì C tách ra đi về nhà, còn lại Q, Q1, Cu L, P, C, L, T, Đ tiếp tục đi theo đường lộ cặp Ủy ban nhân dân thị trấn S đến nhà T thì Q và Q1 leo vô nhà T kiềng tài sản để trộm nhưng không có. Sau đó cả nhóm tiếp tục đi thì T nằm ngủ trên ghế đá không tiếp tục đi, lúc này cả nhóm còn lại gồm Q, Đ, Phi, Q1, L, Cu L, C đi dọc theo lộ đến gần cầu R thì phát hiện xe mô tô hiệu POLISH biển kiểm soát 69C1-028.39 của anh Hồ Hoàng N đang đậu trước nhà thuộc khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau không người quản lý và trông coi, lúc này Q hỏi “xe kia thằng nào vô” thì bị cáo trực tiếp vào lấy xe và kêu những người còn lại canh đường (lời khai của bị cáo tại phiên tòa), sau khi lấy được xe thì cả nhóm đẩy xe lên trên cầu R thì C dùng điện thoại gọi đèn cho Q bứt dây max xe rồi cả nhóm cùng chờ nhau đến cây xăng T. Lúc này Q tiếp tục rủ cả nhóm trộm thêm 01 xe máy nữa thì tất cả đồng ý, cả nhóm lúc này cũng gồm Q, Đ, P, Q, L, Cu L, C đi dọc theo lộ S về hướng thị trấn T đến nhà anh Nguyễn Thanh T thuộc khóm 11, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau thì tiếp tục phát hiện xe mô tô hiệu FUSIN, biển kiểm soát 69F7 – 7845 của anh T không người quản lý và trông coi thì Q trực tiếp vào lấy trộm xe khi đó có sẵn chìa khóa trên xe, còn những người còn lại canh đường. Sau khi lấy trộm được xe của anh T thì Cu L (K) điều khiển xe chở C, P, L, còn Q điều khiển xe trộm được của anh N trước đó chở Q và Đ ra thành phố C để bán xe kiềng tiền chi xài thì Q, Q1 và Đ bị Công an phường 1, thành phố C bắt giữ, còn nhóm của K không bán được xe nên điều khiển xe về thị trấn S đưa xe cho L giữ.

Vật chứng thu giữ: Ngày 28/8/2015 Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thu giữ 01 xe mô tô hiệu POLISH, biển kiểm soát 69C1-028.39 và 01 xe mô tô hiệu FUSIN, biển kiểm soát 69F7-7845 đã trao trả cho bị hại xong.

Tại kết luận định giá số: 61 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Hội đồng định giá thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, kết luận: 01 xe mô tô hiệu POLISH, biển kiểm soát 69C1-028.39 trị giá 3.325.000 đồng, 01 xe mô tô hiệu FUSIN, biển kiểm soát 69F7-7845 trị giá 1.955.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 5.280.000 đồng.

Từ những nội dung trên bản cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Trương Toàn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội theo như nội dung bản cáo trạng truy tố. Bị cáo khai vào khoảng 00 giờ ngày 27/8/2015, sau khi nhậu xong thì Q rủ tất cả những người nhậu chung gồm Q, C (P), K (Cu L), P, L, C, T, Đ cùng đi trộm xe kiểm tiền chi xài thì tất cả đồng ý. Sau đó tất cả cùng đi thì C tách ra đi về nhà, còn T không tiếp tục cùng tham gia, cả nhóm còn lại Q, Q1, Cu L, P, C, L, Đ đi dọc theo lộ đến gần cầu R thì phát hiện xe mô tô hiệu POLISH biển kiểm soát 69C1-028.39 của anh Hồ Hoàng N đang đậu trước nhà thuộc khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau không người quản lý và trông coi thì bị cáo trực tiếp vào lén lút lấy trộm xe của anh N và kêu những người còn lại canh đường, sau khi lấy trộm được xe của anh N thì cả nhóm đẩy xe lên trên cầu R Q bứt dây max xe rồi cả nhóm cùng chờ nhau đến cây xăng T. Q tiếp tục rủ cả nhóm trộm thêm 01 xe máy nữa thì tất cả cũng đồng ý và tiếp tục đi dọc theo lộ S về hướng thị trấn T đến nhà anh Nguyễn Thanh T thuộc khóm 11, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau thì phát hiện xe mô tô hiệu FUSIN, biển kiểm soát 69F7 – 7845 của anh T không người quản lý và trông coi thì bị cáo Q trực tiếp vào lén lút lấy trộm xe, còn những người còn lại canh đường. Sau khi lấy trộm được xe của anh N và anh T thì cả nhóm điều khiển xe ra thành phố C để bán xe kiểm tiền chi xài thì bị phát hiện và bắt giữ.

Quá trình điều tra bị hại N và T, khai: Xe của anh N bị mất trộm là xe Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 69C1-028.39, xe của anh T bị mất trộm là xe mô tô hiệu FUSIN, màu xanh trắng, biển kiểm soát 69F7-7845, anh N và anh T đã được Cơ quan điều tra trả lại xe bị mất trộm, nên nay không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, do đó giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trương Toàn Q và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt đối với bị cáo Trương Toàn Q mức án từ 06 tháng đến 12 tháng tù, tổng hợp hình phạt đối với số: 64/2020/HSST ngày 16/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bó Trạch, tỉnh Quảng Bình, trừ thời gian bị cáo bị bắt khẩn cấp từ ngày 30/8/2015 đến ngày 01/9/2015 và thời gian bị cáo bị bắt truy nã từ ngày 03/3/2016 đến ngày 06/3/2016. Về trách nhiệm dân sự do bị hại không có yêu cầu, nên đề nghị không xem xét. Về xử lý vật chứng trả trao trả xong cho bị hại, nên cũng đề nghị không xem xét.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời nói sau cùng bị cáo không thấy hối hận về hành vi phạm tội của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với những bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và yêu cầu thể hiện trong hồ sơ vụ án, việc tiến hành xét xử vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, nên Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận bị cáo người rủ rê và khởi xướng việc đi trộm xe bán kiếm tiền chi xài thì tất cả đồng ý, bị cáo cùng Q, Cu L, P, C, L, Đ trực tiếp cùng nhau đi tìm xe để trộm, cả nhóm đi dọc theo lộ đến gần cầu R thì phát hiện xe mô tô hiệu POLISH biển kiểm soát 69C1-028.39 của anh Hồ Hoàng N đang đậu trước nhà thuộc khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau không người quản lý và trông coi thì bị cáo trực tiếp vào lấy trộm xe, đồng thời kêu những người còn lại canh đường, sau khi lấy trộm được xe của anh N thì bị cáo là người trực tiếp bứt dây max xe để điều khiển đi. Sau đó bị cáo tiếp tục rủ cả nhóm trộm thêm 01 xe máy nữa thì tất cả cũng đồng ý, tại nhà anh Nguyễn Thanh T thuộc khóm 11, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau cả nhóm của bị cáo phát hiện xe mô tô hiệu FUSIN, biển kiểm soát 69F7 – 7845 của anh T không người quản lý và trông coi thì bị cáo trực tiếp lấy trộm xe, còn những người còn lại canh đường. Mục đích bị cáo và đồng phạm lấy trộm xe là để bán kiếm tiền chi xài. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Tài sản là 02 xe mô tô của anh N và anh T bị cáo và các đồng phạm chiếm đoạt được kết luận có giá trị 5.280.000 đồng. Việc phạm tội của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, chỉ vì muốn có tiền chi xài nên bị cáo đã khởi xướng việc đi kiếm xe để trộm và khi gặp tài sản hợp pháp là xe mô tô của anh N và anh T thì bị cáo cùng các đồng phạm đã lén lút thực hiện hành vi lấy trộm một cách trái pháp luật (tại phiên tòa chính bị cáo khai nhận bị cáo là người trực tiếp lấy trộm 02 xe mô tô là tài sản hợp pháp của anh N và anh T). Trước, trong và sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực và độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của bị cáo gây ra.

Từ những phân tích, lập luận, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Trương Toàn Q đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo ít nghiêm trọng, nhưng đã gây mất trật tự trị an ở địa phương, bị cáo biết được tài sản hợp pháp của người khác là bất khả xâm phạm, nhưng chỉ muốn có tiền chi xài mà bị cáo đã khởi xướng việc đi kiếm xe để trộm và khi gặp tài sản hợp pháp là xe

mô tô của anh N và anh T thì bị cáo cùng đồng phạm đã lén lút lấy trộm tài sản hợp pháp của các bị hại, trong vụ án này bị cáo cùng những đồng phạm khác thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm nhưng giản đơn, bị cáo và các đồng phạm không có sự tính toán và bàn bạc kỹ lưỡng trước để nhằm chiếm đoạt tài sản cụ thể của ai và cách thức thực hiện như thế nào, mà chỉ do nhất thời mong muốn có tiền chi xài nên bị cáo đã khởi xướng việc đi trộm xe, việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo rất tích cực, bị cáo là người trực tiếp lén lút lấy trộm 02 xe mô tô của anh N và anh T, đồng thời sắp xếp các đồng phạm khác canh đường canh giới để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, do đó khi xem xét lượng hình thì có xem xét đến mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo. Hành vi của bị cáo và các đồng phạm đã gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, khi tài sản của họ sẽ bị chiếm đoạt bất cứ lúc nào với những hành vi tương tự như hành vi của bị cáo và các đồng phạm. Tình hình tội phạm về tội trộm cắp tài sản nói riêng và các loại tội phạm khác nói chung hiện nay ngày càng gia tăng và diễn biến hết sức phức tạp trên địa bàn huyện T, tỉnh Cà Mau. Để công tác đấu tranh và phòng chống đối với các loại tội phạm có hiệu quả, thì cần xử lý nghiêm đối với hành vi phạm tội của bị cáo, để nhằm mục đích răn đe chung trong toàn xã hội. Tuy nhiên, khi xem xét mức hình phạt đối với bị cáo thì cũng cần cân nhắc và xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thì thấy rằng mặc dù từ trước đến khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo trong quá trình khởi tố cho tại ngoại, thì thay vì bị cáo phải hợp tác để điều tra, nhưng bị cáo lại bỏ trốn và khi bị bắt theo lệnh truy nã sau đó tiếp tục cho bị cáo tại ngoại thì bị cáo tiếp tục bỏ trốn và thực hiện các hành vi phạm tội trộm cắp tài sản khác, như vậy chứng minh được bị cáo không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết này khi lượng hình đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo để thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay của nhà nước ta. Ngoài ra, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nằm trong độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, nên khi lượng hình đối với bị cáo thì Hội đồng xét xử có áp dụng các quy định tại Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự để xem xét lượng hình.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau đối với bị cáo Trương Toàn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Trương Toàn Q từ 06 đến 12 tháng tù là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên chấp nhận và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo và sửa đổi bản thân để trở thành một người công dân tốt cho gia đình và xã hội, sau

khi tái hòa nhập lại với cộng đồng. Bị cáo đang chấp hành hình phạt theo bản án số: 64/2020/HSST ngày 16/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình, nên Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt đối với hình phạt tại bản án này với bản án số: 64/2020/HSST ngày 16/10/2020 rồi quyết định hình phạt chung đối với bị cáo.

Đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Văn P, Nguyễn Chí C, Trần Hải Q đã bị Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt theo Bản án số: 63/2016/HSST ngày 28/7/2016.

Đối với Nguyễn Tấn L tính đến ngày xảy ra vụ việc chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời không xử lý là đúng.

Đối với Lê Hà Duy K (Cu L) chưa làm việc được, chưa xác định được lai lịch của K nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời tách ra tiếp tục điều tra, nếu có căn cứ xử lý sau là đúng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đã trao trả lại xong cho bị hại, nên không xem xét.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Toàn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Toàn Q **09** (Chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm 02 (hai) tháng tù tại bản án số: 64/2020/HSST ngày 16/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình. Buộc bị cáo Trương Toàn Q phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 14/11/2019, được trừ thời gian bị cáo bị bắt khẩn cấp từ ngày 30/8/2015 đến ngày 01/9/2015 và thời gian bị cáo bị bắt truy nã từ ngày 03/3/2016 đến ngày 06/3/2016.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Toàn Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CQCSĐT Công an huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã A, huyện Cnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Trại giam An Điền, xã Đại Hưng, Đại Lộc, Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Huỳnh Hải